

## THAM CHIẾU ĐÍNH KÈM

<b>E-CDNT 28.4</b>	Bao gồm tất cả các chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng. Đề nghị các Nhà thầu tham dự gói thầu này khi chào giá áp dụng mức thuế suất giá trị gia tăng là 10% cho tất cả các hạng mục công việc làm cơ sở thống nhất giá đánh giá, lựa chọn Nhà thầu (cùng mặt bằng), thương thảo ký kết hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm), đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
<b>E-ĐKC 10</b>	<p>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản 100% giá trị hợp đồng.</p> <p>10.1 Tạm ứng:</p> <p>Chủ đầu tư tạm ứng 20% giá trị chi phí thẩm tra BCKTKT-DT (trước thuế) xác định theo hợp đồng tư vấn từng hạng mục công trình, trong vòng 15 ngày làm việc ngay sau khi nhận đủ các hồ sơ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Hợp đồng tư vấn đã được ký kết và có hiệu lực;</li><li>+ Văn bản yêu cầu tạm ứng;</li><li>+ Giấy bảo lãnh tiền tạm ứng (do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành);</li><li>+ Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và Giấy chứng nhận bảo hiểm (nếu có).</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>– Số tiền tạm ứng của từng công tác sẽ được Chủ đầu tư thu hồi toàn bộ ngay từ lần thanh toán đầu tiên.</li><li>– Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</li><li>– Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</li><li>– Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28</li></ul>

ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

– Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

– Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

– Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

#### 10.2 Thanh toán:

- Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu như sau:

Sau khi hồ sơ thẩm tra BCKTKT dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị theo bảng xác định kinh phí thanh toán được hai Bên xác nhận và Bên B đã xuất hóa đơn theo quy định.

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.

- Hồ sơ thanh toán:

+ Hồ sơ báo cáo thẩm tra;

+ Biên bản nghiệm thu hồ sơ báo cáo thẩm tra BCKTKT-DT xây dựng dự án;

+ Bảng tính giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng, có xác nhận của các Bên liên quan, có phụ lục hợp đồng được ký kết theo đúng quy định.

+ Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn cần thể hiện đầy đủ các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau cùng, có xác nhận của các Bên liên quan.

+ Bảng xác định kinh phí thanh toán;

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hóa đơn tài chính hợp lệ chi phí thẩm tra BCKTKT-DT;</li> <li>+ Hồ sơ liên quan khác (nếu cần) theo yêu cầu của thủ tục thanh toán đầu tư xây dựng.</li> </ul>
<p><b>E-ĐKC 17</b></p>	<p><b>1. Phạt vi phạm hợp đồng:</b></p> <p><b>* Đối với Bên nhận thầu:</b></p> <p>a) Nguyên tắc:</p> <p>Nội dung vi phạm/ sai sót về chất lượng hoặc các thiếu sót trong hồ sơ tư vấn dẫn đến hậu quả: việc triển khai thực hiện không đúng quy định của pháp luật, quy định của cấp có thẩm quyền (Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty), hoặc việc triển khai thực hiện gây thiệt hại cho Chủ đầu tư (phát sinh chi phí, lãng phí, gây sự cố công trình) được quy định, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vi phạm trong công tác lập, thẩm tra chi phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vi phạm trong việc tuân thủ các quy định về quản lý chi phí ĐTXD được ban hành và có hiệu lực đối với từng thời kỳ;</li> <li>+ Vi phạm trong việc tuân thủ nội dung hồ sơ kỹ thuật (khảo sát, thiết kế các giai đoạn: khối lượng, biện pháp tổ chức xây dựng/ biện pháp thi công, các điều kiện tự nhiên liên quan...);</li> <li>+ Áp dụng/ vận dụng định mức, đơn giá và các chế độ trong tính toán, xác định chi phí không đúng;</li> <li>+ Các sai sót trong quá trình tính toán, xác định chi phí;</li> <li>+ Vi phạm thời gian thực hiện và/ hoặc không đầy đủ hồ sơ liên quan theo quy định khi trình duyệt (kể cả các tài liệu gửi qua e.mail, D.office, phần mềm quản lý ĐTXD...);</li> <li>+ Xác định TMĐT/ ĐTXD/ dự toán gói thầu có giá chi phí chênh lệch lớn hơn <math>\pm 10\%</math> so với kết quả thẩm tra, thẩm định, phê duyệt.</li> </ul> </li> <li>- Các nội dung vi phạm khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nội dung hồ sơ không thống nhất (do lỗi chủ quan của tư vấn) dẫn đến việc: hồ sơ dự án, thiết kế, hồ sơ mời thầu bị cơ quan có thẩm quyền/ cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trả về yêu cầu hiệu chỉnh (Sở Công Thương TP.HCM, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Sở Xây dựng TP.HCM, Bộ Xây dựng, đặc biệt là Tập đoàn Điện lực Việt Nam trả hồ sơ yêu cầu hiệu chỉnh, các Nhà thầu tham dự thầu phát hiện sai sót trong hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu gửi văn bản đề nghị Bên mời thầu làm rõ).</li> </ul> </li> </ul>

	<p>+ Hồ sơ tư vấn làm hạn chế Nhà sản xuất, Nhà thầu tham dự.</p> <p>b) Mức phạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị phạt do vi phạm về tiến độ được tính = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) (tỷ lệ % tùy theo tính chất vi phạm do các Đơn vị tự quyết định).</li> <li>- Giá trị phạt do vi phạm về chất lượng được tính = tỉ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký; được tính lũy kế các lần 1 phạt 5 %, lần 2 phạt 7 %, lần 3 phạt 12 %; Tổng giá trị phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng, mức phạt đạt 12 % có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.</li> </ul> <p><b>* Đối với Bên giao thầu:</b></p> <p>Trường hợp, Bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải chịu phạt (đồng thời là mức bồi thường) cho Bên nhận thầu. Mức phạt tính trên số tiền phải thanh toán gồm thuế GTGT nhân (x) số ngày chậm thanh toán và lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi Bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Ngày chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho Bên nhận thầu.</p> <p><b>2. Bồi thường thiệt hại:</b></p> <p>Mức bồi thường = chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do Bên nhận thầu gây ra (<i>trường hợp Bên nhận thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi này</i>).</li> <li>+ Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.</li> </ul>
--	--